

**HỘI ĐỒNG THUỐC & ĐIỀU TRỊ**  
**TIỂU BAN GIÁM SÁT TTT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Củ Chi, ngày 10 tháng 7 năm 2021*

Kính gửi:

- Phòng Nghiệp vụ;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Khoa lâm sàng, cận lâm sàng.

Căn cứ thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10 tháng 06 năm 2011 của Bộ Y tế quy định về tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện;

Căn cứ thông tư 21/2013/TT-BYT ngày 08 tháng 08 năm 2013 của Bộ Y tế quy định về việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện.

Căn cứ quyết định số 124/QĐ-BVKV ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Bệnh Viện Đa khoa khu vực Củ Chi về việc thành lập Tiểu ban giám sát thông tin thuốc;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi;

Nhằm nâng cao công tác điều trị tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi;

Tiểu ban giám sát thông tin thuốc ban hành danh mục thuốc phải chia liều năm 2021 đến các khoa phòng (đính kèm danh mục). Đề nghị các khoa phòng thực hiện việc sử dụng, bảo quản thuốc theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất; chứng từ theo dõi sử dụng thuốc tại khoa phòng, báo cáo xuất nhập tồn kho hàng tháng gửi về khoa dược.

**TRƯỞNG BAN**

**Đã ký**

## DANH MỤC THUỐC CHIA LIỀU

ST T	STT theo TT30	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Nồng độ /Hàm lượng	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Điều kiện bảo quản
<b>A. THUỐC NGOÀI THÔNG TƯ 30 ( SỬ DỤNG THU PHÍ, BẢO HIỂM Y TẾ KHÔNG THANH TOÁN)</b>											
1	847	Natri clorid	Nasomom Clean&Clear	Dung dịch vệ sinh mũi	Nhỏ mũi	0,9%	Hộp 1 chai 70ml	Chai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Việt Nam	Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C. Chỉ dùng trong vòng 15 ngày sau khi mở nắp
<b>B. THUỐC CÓ TÊN TRONG DANH MỤC THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG BHYT</b>											
<b>1. THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ, THUỐC GIẢM CỐ, GIẢI GIÃN CỐ</b>											
<b>1.1. Thuốc gây tê, gây mê</b>											
2	9	Isofluran	Aerrane 250ml	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Đường hô hấp	100%; 250ml	Hộp 6 chai 250ml	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh nóng. Chai thuốc phải để đứng
3	12	Lidocain hydroclorid	Xylocaine Jelly	Gel	Dùng ngoài	2%	Hộp 10 tuýp x 30g Gel	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Bảo quản ở nhiệt độ 15 - 30°C Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở
4	12	Lidocain hydroclorid	Lidocain	Thuốc phun mù	Dùng ngoài	10% (38g)	Hộp 1 lọ 38g	Lọ	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Bảo quản ở nhiệt độ 15 - 30°C Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở
5	23	Sevofluran	Sevorane	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Đường hô hấp	(100% w/w) 250ml	Hộp 1 chai 250ml	Chai	AbbVie Srl	Ý	Dung dịch bảo quản tại nhiệt độ phòng từ 15 - 30°C
<b>2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP</b>											
<b>2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid</b>											
6	43	Ibuprofen	Ibupain	Hỗn dịch uống	Uống	100mg/5 ml	Hộp 1 chai 50ml	Chai	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
<b>6. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN</b>											
<b>6.2. Chống nhiễm khuẩn</b>											
<b>6.2.1. Thuốc nhóm beta-lactam</b>											
7	168	Amoxicilin	Moxilen Forte 250mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	250mg/5 ml	Hộp 01 lọ 60ml	Lọ	Medochemie Ltd-Factory B	Cyprus	Hỗn dịch này có thể bền vững trong 14 ngày ở nhiệt độ phòng hoặc nhiệt độ 2 - 8°C
<b>6.2.2. Thuốc nhóm aminoglycoside</b>											
8	216	Tobramycin	Tobrex	Dung dịch nhỏ mắt vô khuẩn	Nhỏ mắt	3mg/ml	Hộp 1 lọ đếm giọt Droptainer 5 ml	Lọ	s.a. Alcon-Couvreur N.V	Bi	Bảo quản không quá 30°C, Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở
9	217	Tobramycin + dexamethason	Tobradex	Mỡ tra mắt	Nhỏ mắt	3mg; 1mg (Mỡ tra mắt)	Hộp 1 tuýp 3,5g	Tuýp	S.A Alcon-Couvreur N.V	Bi	Bảo quản không quá 30°C, Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở

ST T	STT theo TT30	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Nồng độ /Hàm lượng	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Điều kiện bảo quản
10	217	Tobramycin + dexamethason	Tobradex	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	3mg; 1mg	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	s.a Alcon-Couvreur N.V	Bi	Bảo quản không quá 30°C, Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở
<b>6.2.7. Thuốc nhóm quinolon</b>											
11	231	Ciprofloxacin	Ciloxan	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	3mg/ml	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	SA Alcon-Couvreur NV	Belgium	Bảo quản không quá 30°C, Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở
12	232	Levofloxacin	Cravit 1.5%	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	15mg/ml	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.-Nhà máy Noto	Nhật Bản	Bảo quản không quá 30°C, Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở
13	234	Moxifloxacin	Moxifloxan 5Mg/ML Eye Drops, Solution	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	0,5%	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	Balkanpharma-Razgrad AD	Bulgaria	Bảo quản không quá 30°C, Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở
14	237	Ofloxacin	Oflovid	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	15mg/5 ml	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật Bản	Bảo quản không quá 30°C, Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở
<b>6.3. Thuốc chống vi rút</b>											
<b>6.3.3 Thuốc chống vi rút khác</b>											
15	277	Aciclovir	Paclovir	Kem bôi da	Dùng ngoài	0,25g	Hộp 1 tuýp 5g	Tuýp	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Bảo quản nhiệt độ dưới 30°C
<b>6.4. Thuốc chống nấm</b>											
16	297	Miconazol	Micomedil	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	2%	Hộp 01 tuýp 15g	Tuýp	Medochemie Ltd (Cogols Facility)	Cyprus	Bảo quản nhiệt độ dưới 30°C
<b>13. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU</b>											
17	599	Calcipotriol	Pomonolac	Thuốc mỡ bôi da	Dùng ngoài	0,75mg	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Bảo quản nhiệt độ dưới 30°C, hạn dùng của thuốc 6 tháng, kể từ ngày mở nắp
18	601	Capsaicin	Capsicin Gel 0,05%	Gel bôi da	Dùng ngoài	0,05%	Hộp 1 tuýp 20g	Tuýp	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Bảo quản nhiệt độ dưới 30°C, hạn dùng của thuốc 6 tháng, kể từ ngày mở nắp
<b>17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA</b>											
<b>17.2. Thuốc chống nôn</b>											
19	684	Domperidon	Mutecium - M	Hỗn dịch uống	Uống	0,1%	Hộp 1 chai nhựa x 100ml	Chai	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Bảo quản thuốc trong bao bì kín. Hỗn dịch uống chỉ sử dụng trong vòng 3 tháng sau khi mở lọ thuốc
<b>17.7. Thuốc khác</b>											
20	732	Simethicon	Simecol	Hỗn dịch uống	Uống	40mg/ml	Hộp 1 chai 15 ml	chai/lọ	Công ty cổ phần Dược Apimed	Việt Nam	Trong khoảng 15 - 30°C. Hỗn dịch uống bảo quản trong lọ kín, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 4°C, thích hợp nhất là trong khoảng 15 - 30°C, tránh để đông băng.
<b>18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT</b>											
<b>18.1. Hocmon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế</b>											
21	749	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Pred Forte	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	1% w/v (10mg/ml)	Hộp 1 chai 5ml	Chai	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Bảo quản ở nhiệt độ 15-25°C, tránh để đông lạnh. Không dùng quá 30 ngày sau khi mở

ST T	STT theo TT30	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Nồng độ /Hàm lượng	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Điều kiện bảo quản
<b>18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết</b>											
22	780	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Insunova - G Pen	Dung dịch tiêm	Tiêm	100IU/ml	Hộp chứa 01 bút tiêm nạp sẵn chứa 03ml dung dịch thuốc	Bút tiêm	M/s.Biocon Limited	India	Chưa mở phải bảo quản ở 2 - 8 °C, không được làm đông lạnh, để gần nhiệt hoặc ánh sáng mặt trời. Bảo quản tối đa trong 4 tuần ở nhiệt độ không quá 25°C và tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp hoặc ánh sáng trực tiếp
23	784	Insulin người trộn, hỗn hợp	Insunova - 30/70 (Biphasic)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	100IU/ml	Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	Biocon Limited	India	Chưa mở phải bảo quản ở 2 - 8 °C, không được làm đông lạnh, để gần nhiệt hoặc ánh sáng mặt trời. Phải bỏ các lọ chưa mở dung dịch hoặc hỗn dịch bị đông lạnh. Lọ đang dùng có thể để ở nhiệt độ phòng tới 1 tháng. Tránh để ở nhiệt độ dưới 2 °C và trên 30 °C hoặc trực tiếp dưới ánh nắng.
24	779	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	Novorapid FlexPen	Dung dịch tiêm	Tiêm	300U/3 ml	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Sau khi mở nắp lần đầu: Sản phẩm có thể được bảo quản tối đa trong 4 tuần ở nhiệt độ dưới 25°C, tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp hoặc ánh sáng trực tiếp.
25	780	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Lantus Solostar	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Tiêm	300IU/3 ml	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm. 5 hộp sản phẩm kèm 1 hộp kim(100 cây)	Bút tiêm	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Chưa mở phải bảo quản ở 2 - 8 °C, không được làm đông lạnh, để gần nhiệt hoặc ánh sáng mặt trời. Bảo quản tối đa trong 4 tuần ở nhiệt độ không quá 25°C và tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp hoặc ánh sáng trực tiếp
26	784	Insulin người trộn, hỗn hợp	Mixtard 30	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	(700IU+ 300IU)/10ml	Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Chưa mở phải bảo quản ở 2 - 8°C, không được làm đông lạnh, để gần nhiệt hoặc ánh sáng mặt trời. Phải bỏ các lọ chưa mở dung dịch hoặc hỗn dịch bị đông lạnh. Lọ đang dùng có thể để ở nhiệt độ phòng tới 1 tháng. Tránh để ở nhiệt độ dưới 2 °C và trên 30 °C hoặc trực tiếp dưới ánh nắng.
27	784	Insulin người trộn, hỗn hợp	Mixtard 30 Flexpen	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	300IU/3 ml	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Bảo quản 2-8°C, không để đông lạnh. Khi đang sử dụng, hạn dùng là 6 tuần khi bảo quản dưới 30°C. Sau khi mở nắp lần đầu hoặc đem theo dự phòng: Không để trong tủ lạnh

ST T	STT theo TT30	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Nồng độ /Hàm lượng	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Điều kiện bảo quản
<b>21. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT, TAI MŨI HỌNG</b>											
<b>21.1. Thuốc điều trị bệnh mắt</b>											
28	823	Brimonidin tartrat	Alphagan P	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	7,5mg/5 ml	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	Allergan Sales, LLC	Mỹ	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C Không dùng quá 4 tuần sau khi mở bao bì
29	833	Fluorometholon	Fml Liquifilm	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	0,1%	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Bảo quản ở nhiệt độ từ 15- 25°C Không dùng quá 30 ngày sau khi mở nắp lần đầu
30	849	Natri hyaluronat	Hylaform 0,1%	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	1mg	Hộp 1 ống nhựa x 10ml	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Nhiệt độ dưới 30°C và 30 ngày sau khi mở nắp
31	852	Pemirolast kali	Alegysal	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	1mg/ml	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	Santen Pharmaceutical Co. Ltd.	Nhật Bản	Bảo quản ở nhiệt độ 15 - 25°C, trong bao bì kín
32	860	Timolol	Timolol Maleate Eye Drops 0.5%	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	5mg/ml	Hộp 1 lọ đếm giọt 5ml	Lọ	s.a Alcon Couvreur NV	Bi	Nhiệt độ dưới 30°C, Không được dùng sau khi mở nắp lọ lần đầu 28 ngày.
33	861	Travoprost	Travatan	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	0,04mg/ml	Hộp 1 lọ 2,5ml	Lọ	S.A. Alcon-Couvreur N.V	Bi	Nhiệt độ dưới 30°C, Không được dùng sau khi mở nắp lọ lần đầu 28 ngày.
34	864	Tropicamide + phenylephrine hydroclorid	Mydrin-P	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Tropicamide 50mg; Phenylephrine hydroclorid 50mg	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	Santen Pharmaceutical Co., Ltd – Nhà máy Shiga	Nhật Bản	Nhiệt độ dưới 30°C, Không được dùng sau khi mở nắp lọ lần đầu 28 ngày.
<b>21.2. Thuốc tai- mũi- họng</b>											
35	869	Naphazolin	Rhynixsol	Thuốc nhỏ mũi	Nhỏ mũi	0,05%	Hộp 1 chai 15ml	Chai/ Lọ	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Nhiệt độ dưới 30°C, hạn dùng sau khi mở nắp không quá 15 ngày.
36	871	Phenazon + lidocain hydroclorid	Otipax	Dung dịch nhỏ tai	Nhỏ tai	4g/100g (4%) + 1g/100g (1%)	Hộp 1 lọ 15ml (chứa 16g dung dịch nhỏ tai) kèm ống nhỏ giọt	Lọ	Biocodex	Pháp	Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C

ST T	STT theo TT30	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Nồng độ /Hàm lượng	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Điều kiện bảo quản
<b>25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP</b>											
<b>25.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính</b>											
37	946	Budesonid	Pulmicort Respules	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Đường hô hấp	500mcg/2ml	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Bảo quản tránh ánh sáng đối với ống thuốc đã mở và sử dụng trong 24 giờ.
38	947	Budesonid formoterol +	Symbicort Rapihaler	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Dạng hít	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrat e 4,5mcg	Hộp 1 túi nhôm x 1 bình xịt 120 liều	Bình xịt	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	Không bảo quản trên 30°C. Bảo quản bình xịt với đầu ngâm quay xuống. Đậy nắp đầu ngâm sau khi sử dụng Symbicort Rapihaler. Hạn dùng sau khi mở túi là 3 tháng.
39	947	Budesonid formoterol +	Symbicort Turbuhaler	Thuốc bột để hít	Dạng hít	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrat e 4,5mcg	Hộp 1 ống hít 60 liều	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Không bảo quản trên 30°C.
40	948	Fenoterol ipratropium +	Berodual	Dung dịch khí dung	Khí dung	0,02mg/nhát xịt; 0,05mg/nhát xịt	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml)	Bình	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Không bảo quản trên 30°C.
41	955	Salbutamol sulfat	Ventolin Inhaler (CS đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Glaxo Wellcome S.A; địa chỉ: Avda. De Extremadura, 3. Poligono Industrial Allenduro, 09400-Aranda de Duero (Burgos), Spain)	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Đường hô hấp	100mcg/liều xịt	Hộp 1 bình xịt 200 liều	Bình xịt	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Đậy nắp bình xịt (dùng đậy chỗ ngâm vào miệng) một cách dứt khoát và đóng nó vào đúng vị trí. Bảo quản VENTOLIN dưới 30°C. Tránh đông lạnh và ánh sáng mặt trời trực tiếp. Giống như hầu hết các thuốc hít đựng trong bình xịt, hiệu quả điều trị của thuốc có thể giảm đi khi bình xịt bị làm lạnh. Không nên đâm thủng, làm vỡ hay đốt bình chứa thuốc xịt kể cả khi bình hoàn toàn hết thuốc.
42	955	Salbutamol sulfat	Atisalbu	Dung dịch uống	Uống	2mg	Hộp 30 gói x 5ml	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30 độ C, tránh ánh sáng.
43	955	Salbutamol sulfat	Zensalbu Nebules 5.0	Dung dịch dùng cho khí dung	Đường hô hấp	5mg/2,5 ml	Hộp 10 ống nhựa x 2,5ml	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30 độ C, tránh ánh sáng.

ST T	STT theo TT30	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Nồng độ /Hàm lượng	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Điều kiện bảo quản
44	956	Salbutamol + ipratropium	Combivent	Dung dịch khí dung	Khí dung	0,5mg + 2,5mg	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 25 độ C, tránh ánh sáng. Không sử dụng nếu dung dịch bị đổi màu.
45	956	Salbutamol + ipratropium	Combivent	Dung dịch khí dung	Khí dung	2,5mg; 0,5mg	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 25 độ C, tránh ánh sáng. Không sử dụng nếu dung dịch bị đổi màu.
46	957	Salmeterol + fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Khí dung	Mỗi liều xịt chứa: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronis ed) và 125mcg Fluticason propionate (dạng micronis ed)	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Bình xịt	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	Không bảo quản quá 30°C, tránh đông lạnh và ánh sáng mặt trời trực tiếp
47	957	Salmeterol + fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/250mcg	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	Dạng hít	25mcg; 250mcg	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Bình xịt	Glaxo Wellcome SA	Tây Ban Nha	Không bảo quản quá 30°C, tránh đông lạnh và ánh sáng mặt trời trực tiếp
48	960	Tiotropium	Spiriva Respimat	Dung dịch để hít	Dạng hít	0,0025mg / nhát xịt	Hộp chứa 1 ống thuốc 4ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt định liều	Hộp	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Dưới 30°C. Không đông đá.